

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST

Ngày 26 tháng 7 năm 2022

“ V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Bà Đỗ Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà kết hôn với ông Trần Văn Đ ngày 01/01/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà lấy ông Đ là vợ thứ hai, quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn đỉnh điểm là năm 2017 bà phát hiện ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tên là Nguyễn Thị P ở huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và ông Đ đã có 1 người con trai với cô P, vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ nhiều năm, hiện nay ông Đ vẫn chung sống cùng cô P ở tỉnh Hà Tĩnh còn bà đang sống một mình tại xã B, huyện V nên vợ chồng

không có tình cảm với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với ông Đ.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Đ vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022 ông Trần Văn Đ trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như bà S trình bày là đúng, trước khi kết hôn với bà S thì ông đã có vợ nhưng vợ ông đã chết. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống tại khu nhà máy gạch B, đến năm 1996 ông bỏ việc tại nhà máy gạch B và đi làm tự do. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì mà do kinh tế ông phải đi làm ăn xa ở các tỉnh Miền Trung nên ít khi về nhà, bản thân bà S vẫn ở tại xã B, do tình hình dịch bệnh nên vợ chồng ít gặp nhau, bà S ghen tuông cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đã khoảng 02 năm nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà S có đơn xin ly hôn, quan điểm ông không đồng ý ly hôn mà xin được Đ tុ. Nếu bà S cương quyết ly hôn thì ông đề nghị giải quyết cho bà S đơn phương ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Về biện pháp Đ tុ, ông không có biện pháp gì.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ có một con chung là Trần Thùy D, sinh năm 1994 hiện nay đã có gia đình ở riêng.

Con riêng của ông Đ có 02 con riêng là Trần Thị H, sinh năm 1990; Trần Thị H, sinh năm 1993. Hiện nay đã có gia đình ở riêng. Ly hôn bà S và ông Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và con riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung, con riêng: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn của bà và ông Trần Văn Đ theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của ông Trần Văn Đ tại phiên tòa nhưng ông Đ có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Trần Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 01/01/1994 tại UBND xã Bình Dương trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tin tưởng nhau về tình cảm, đã nhiều năm nay ông bà không chung sống cùng nhau, do điều kiện kinh tế ông Đ đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng ít có thời gian bên nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay bà S xin được ly hôn với ông Đ, quan điểm ông Đ cho biết nếu bà S cương quyết ly hôn thì ông đề nghị giải quyết cho bà S đơn phương ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Về biện pháp Đ tị, ông không có biện pháp gì. Xác minh tại địa phương nơi cư trú cũng như qua lời khai của bà S và ông Đ đều cho biết ông bà đã sống ly thân nhau nhiều năm nay và thực tế hiện nay ông Đ xin Đ tị nhưng ông Đ cũng không có mặt ở nhà để chung sống Đ tị với bà S mà ông Đ thường đi làm ăn xa nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tin tưởng nhau về tình cảm. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông Đ là phù hợp. Điều đó có nghĩa yêu cầu xin được Đ tị của ông Đ không được chấp nhận.

[2]. Về con chung, con riêng: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết do các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Về con chung, con riêng, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005521 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải